



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Mã phiếu: QTHT220707

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh

Địa chỉ: Số 04 – Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại liên hệ/Email (nếu có): 039 3693157

Loại mẫu:

- Nước mặt Nước biển Nước thải Nước nuôi Động vật
trồng thủy sản thủy sản
 Sản phẩm Đất Bùn Trầm tích Khác
thủy sản

Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh

Địa điểm thu mẫu: Chi tiết tại Bảng 1

Ngày thu mẫu: ngày 4-6/7/2022

Ngày nhận mẫu: ngày 7/7/2022

Người nhận mẫu: Đặng Thị Phú

Chỉ tiêu và phương pháp phân tích: Chi tiết tại Bảng 2

Ngày phân tích: ngày 7-8/7/2022

Bảng 1: Địa điểm thu mẫu

TT	Tên vùng nuôi/chủ hộ	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
Nguồn cấp			
1.	Hói Lỗ	Hói Lỗ - Kỳ Ninh	Nước cấp Kỳ Ninh
2.	Kỳ Thu	Ngọn Rào - Kỳ Thu	Nước cấp Kỳ Thu
3.	Cẩm Lộc	Bãi Rào - Cẩm Lộc	Nước cấp Cẩm Lộc
4.	Thạch Hạ	Đồng Ghè - Thạch Hạ	Nước cấp Thạch Hạ
5.	Đan Trường	Đan Trường	Nước cấp Đan Trường
6.	Thạch Châu	Thạch Châu	Nước cấp Thạch Châu
7.	Đĩnh Bàn	Đĩnh Bàn	Nước cấp Đĩnh Bàn

TT	Tên vùng nuôi/chủ hộ	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
	Ao nuôi		
8.	Lê Văn Thao	Ao nuôi Kỳ Ninh	Lê Văn Thao
9.	Võ Xuân Dương	Ao nuôi Kỳ Thư	Võ Xuân Dương
10.	Lê Xuân Khặng	Ao nuôi Cẩm Lộc	Lê Xuân Khặng
11.	Đặng Xuân Hà	Ao nuôi Thạch Hạ	Đặng Xuân Hà
12.	Trần Vũ Quốc Phương	Ao nuôi Đan Trường	Trần Vũ Quốc Phương
13.	Phạm Văn Châu	Ao nuôi Thạch Châu	Phạm Văn Châu
14.	Bùi Quang Liện	Ao nuôi Đỉnh Bàn	Bùi Quang Liện

Bảng 2: Chỉ tiêu và phương pháp phân tích

Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
N-NH ₄ ⁺	HD.H.01	COD	SMEWW5220 C:2017
TSS	SMEWW 2540D:2017	H ₂ S	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ B,D:2017
Mật độ tảo, thành phần tảo độc	SMEWW 10200 F:2017		

2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Bảng 3: Kết quả phân tích thủy hóa

Chỉ tiêu	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH ₄ ⁺ *	COD	H ₂ S	TSS
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
Nguồn cấp										
Nước cấp Kỳ Ninh	28	7,8	4	35	24	107,4	0,334	3,52	0,000	19,0
Nước cấp Kỳ Thu	28	7,7	5	29	10	71,6	0,400	4,08	0,000	12,0
Nước cấp Cẩm Lộc	29	7,5	5	35	12	97,0	0,530	4,08	0,002	16,5
Nước cấp Thạch Hạ	31	8,5	5	50	25	89,5	0,286	3,04	0,000	30,0
Nước cấp Đan Trường	30	8,5	4	40	23	107,4	0,225	2,48	0,000	31,3
Nước cấp Thạch Châu	31	8,5	4	50	25	107,4	0,647	4,88	0,000	33,6
Nước cấp Đinh Bàn	34	8,2	4,5	42	29	107,4	0,331	4,00	0,001	44,0
Ao nuôi										
Lê Văn Thao	28	8,0	4	25	22	125,3	0,932	4,16	0,000	18,4
Võ Xuân Dương	28	7,9	4	30	10	125,3	0,559	5,28	0,003	77,0
Lê Xuân Khặng	29	8,0	4,2	30	15	125,3	0,546	5,28	0,003	125,0
Đặng Xuân Hà	31	8,5	4	35	15	107,4	0,235	3,68	0,000	16,3
Trần Vũ Quốc Phương	30	7,5	4,5	22	21	89,5	0,750	5,04	0,002	38,5
Phạm Văn Châu	31	8,5	4	40	20	89,5	0,794	4,72	0,003	197,3
Bùi Quang Liên	33	8,7	4,5	30	27	125,3	0,269	5,60	0,000	272,3
Quy chuẩn tham chiếu	18-33 ^b	7-9 ^b	≥3,5 ^b	20-50 ^b	5-35 ^b	60-180 ^b	<0,3 ^c	<10 ^c	<0,05 ^b	<50 ^a

Ghi chú:

- Ký hiệu (a): QCVN 10-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển – Nước biển vùng biển ven bờ. Cột giá trị giới hạn – Vùng

nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh.

- **Ký hiệu (°): QCVN 02-19:2014/BNNPTNT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- **Dấu (*):** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- **Ký hiệu (°): QCVN 08-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Cột A1: Bảo tồn động thực vật thủy sinh.
- **Dấu (***):** Chỉ tiêu đo tại hiện trường, được cung cấp bởi Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh.

Bảng 4: Kết quả phân tích mật độ tảo, thành phần tảo độc

Điểm quan trắc		Mật độ tảo					Tổng (tế bào/lít)	Thành phần tảo độc
		Tảo Lục	Tảo Silic	Tảo Lam	Tảo Giáp	Tảo mắt		
Kỳ Ninh	Nguồn cấp	7.080	120	0	0	0	7.200	KPH
	Lê Văn Thao	0	1.560	16.250	0	0	17.810	KPH
Kỳ Thu	Nguồn cấp	0	1.120	0	0	0	1.120	KPH
	Võ Xuân Dương	5.180	280	0	0	280	5.740	KPH
Cẩm Lộc	Nguồn cấp	1.820	420	0	0	280	2.520	KPH
	Lê Xuân Khặng	2.800	2.520	0	700	980	7.000	KPH
Thạch Hạ	Nguồn cấp	0	510	0	0	0	510	KPH
	Đặng Xuân Hà	1.320	2.200	0	0	0	3.520	KPH
Đan Trường	Nguồn cấp	0	32.040	0	0	360	32.400	KPH
	Trần Vũ Quốc Phương	4.180.000	39.600	132.000	0	4400	4.356.000	KPH
Thạch Châu	Nguồn cấp	7.350	26.550	0	0	150	34.050	KPH
	Phạm Văn Châu	16.000	480	0	0	0	16.480	KPH
Đỉnh Bàn	Nguồn cấp	0	537.857	0	0	0	537.857	KPH
	Bùi Quang Liện	5.250.000	840.000	0	0	0	6.090.000	KPH

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

3. NHẬN XÉT

- Nguồn cấp:

+ Nhiệt độ nước tại nguồn cấp Đỉnh Bàn cao hơn giới hạn cho phép. Hàm lượng N-NH₄⁺ của các điểm nguồn nước cấp tại Kỳ Ninh, Kỳ Thư, Cẩm Lộc, Thạch Châu và Đỉnh Bàn cao hơn giới hạn cho phép từ 1,10 đến 2,15 lần theo QCVN 10-MT:2015/BTNMT.

+ Mật độ tảo dao động từ 510 – 537.857 tế bào/lít. Điểm nguồn cấp Đỉnh Bàn có mật độ cao nhất 537.857 tế bào/lít, kế đến là nguồn cấp Thạch Châu 34.050 tế bào/lít, Đan Trường 32.400 tế bào/lít, Kỳ Ninh 7.200 tế bào/lít. Điểm nguồn cấp Thạch Hạ có mật độ thấp nhất 510 tế bào/lít. Không phát hiện tảo độc trong các điểm nguồn nước cấp.

- Ao nuôi:

+ Các chỉ tiêu nhiệt độ, pH, độ trong, độ kiềm, DO, COD và H₂S tại 7 điểm quan trắc đều có giá trị trong ngưỡng cho phép. Hàm lượng N-NH₄⁺ của ao nuôi các hộ Lê Văn Thao, Võ Xuân Dương, Lê Xuân Khặng, Trần Vũ Quốc Phương và Phạm Văn Châu cao hơn giới hạn cho phép từ 1,82 đến 3,11 lần theo QCVN 10-MT: 2015/BTNMT. Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) của các ao nuôi hộ ông Võ Xuân Dương, Lê Xuân Khặng, Phạm Văn Nhân và Bùi Quang Liên có giá trị cao hơn giới hạn thích hợp lần lượt là 1,54 lần, 2,5 lần, 3,95 lần và 5,45 lần.

+ Mật độ tảo dao động từ 3.520 – 6.090.000 tế bào/lít, trong đó điểm ao nuôi của hộ ông Bùi Quang Liên có mật độ cao nhất 6.090.000 tế bào/lít, kế đến là ao hộ Trần Vũ Quốc Phương 4.356.000 tế bào/lít, Lê Văn Thao 17.810 tế bào/lít, Phạm Văn Châu 16.480 tế bào/lít, Lê Xuân Khặng 7.000 tế bào/lít và ao nuôi của hộ Đặng Xuân Hà có mật độ thấp nhất 3.520 tế bào/lít. Không phát hiện tảo độc trong ao nuôi được quan trắc.

4. KHUYẾN CÁO

- Đối với nguồn cấp: Các nguồn cấp có hàm lượng N-NH₄⁺ cao cần lấy nước vào ao chứa và xử lý trước khi cấp vào ao nuôi.

- Đối với ao nuôi có hàm lượng N-NH₄⁺ và mật độ tảo cao cần tiến hành một số biện pháp sau để cải thiện chất lượng môi trường nước:

+ Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và điều chỉnh lượng thức ăn tránh dư thừa gây ô nhiễm môi trường nước.

+ Bổ sung nước sạch có độ mặn phù hợp để cải thiện chất lượng nước trong ao.

- + Sử dụng hóa chất diệt khuẩn và chế phẩm sinh học theo hướng dẫn trên bao bì sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng môi trường ao nuôi.
- + Duy trì pH trong khoảng thích hợp để tránh sự hình thành NH₃.
- + Ao nuôi hộ ông Trần Vũ Quốc Phương và Bùi Quang Liên cần theo dõi để kiểm soát mật độ tảo, tiến hành xử lý diệt tảo nếu mật độ tiếp tục gia tăng.

Bắc Ninh, ngày 8 tháng 7 năm 2022

Trưởng phòng



Phạm Thái Giang

Lãnh đạo đơn vị



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Bình